

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 98/2017/HNGĐ – ST

Ngày 14/7/2017

V/v: “ *Tranh chấp*

chia tài sản sau khi ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Xuân Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hoài Trang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:***
Ông Lê Viết Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2016, tại Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 656/2016/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2016 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/QĐXX – HNGĐ ngày 01/7/2016 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2017, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Đỗ Thị Hồng T – sinh năm 1970

Địa chỉ: 377 đường Đ, P.T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.(Có mặt)

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.(Có mặt)

3. ***Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Đỗ Tấn H1 – sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn P1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên A

Địa chỉ: 859-861 C (Nay là Đ), P.T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.(Có mặt)

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.(Có mặt)

- Bà Hồ Thị Ngọc T1

Địa chỉ: 06 G, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.(vắng mặt)

- Bà Trần Thị Thúy H2- sinh năm 1953

Địa chỉ: 318 C1, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN;

***/ Nguyên đơn bà Đỗ Thị Hồng T trình bày:** Tôi yêu cầu chia tài sản chung bao gồm: Tiền bán căn nhà tọa lạc tại 859 - 861 C, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk với số tiền là 2.500.000.000đ. Thời gian bán là tháng 6/2009, việc bán là do hai vợ chồng thống nhất chuyển nhượng cho ông B, bà C, việc chuyển nhượng này trong thời kỳ hôn nhân. Việc chuyển nhượng đã hoàn tất, các bên không còn liên quan gì về quyền và nghĩa vụ. Khi trả tiền tôi và ông H là người trực tiếp nhận tiền bán nhà nhưng tiền này ông H sử dụng vào mục đích riêng là trả nợ riêng của cá nhân ông H tại ngân hàng. Nay tôi khởi kiện yêu cầu chia giá trị bán căn nhà là 2.500.000.000đ chứ không yêu cầu chia tài sản là căn nhà 859 - 861 C, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk vì hợp đồng mua bán nhà đã thực hiện xong và không còn vướng mắc gì cả và cũng không yêu cầu gì về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà vợ chồng tôi đã chuyển nhượng.

Lô đất và nhà tọa lạc tại 377 Đ, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk tại thửa đất số 68, tờ bản đồ 39 diện tích 153m² được UBND TP. B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP903542 cấp ngày 02/10/2009. Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tôi đang giữ, không cầm cố thế chấp tài sản cho ai.

Nay tôi yêu cầu chia căn nhà và đất số 377 Đ, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk cho cá nhân tôi và không bên nào phải bù chênh lệch cho bên nào vì ông H đã nhận 2.500.000.000đ từ khoản tiền bán căn nhà 859 - 861 C, P. T, TP. B. Ngoài ra tôi không yêu gì khác, chúng tôi không nợ ai cũng không ai nợ chúng tôi.

Về nợ chung: Tôi và ông H có nợ của ông Đỗ Tấn H1 110.000.000đ ngoài ra không còn nợ ai khác.

***/ Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:** Tôi thừa nhận căn nhà đã bán tại 859 - 861 C, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk với số tiền là 2.500.000.000đ, bán trong thời kỳ hôn nhân. Khoản tiền này vợ chồng tôi đã trả cho Ngân hàng V - Chi nhánh B, trả khoản nợ cho ngân hàng V - chi nhánh Đắk Lắk trả năm 2009. Số tiền nợ ngân hàng do vợ chồng bà C, ông B trả để lấy bìa đỏ đang thế chấp tại ngân hàng. Ngoài ra còn trả nợ một số khoản nợ khác. Các khoản nợ này là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân chứ tôi không sử dụng vào mục đích riêng.

Đối với đất và nhà tọa lạc tại 377 Đ, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk tại thửa đất số 68, tờ bản đồ 39 diện tích 153m² được UBND TP. B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP903542 cấp ngày 02/10/2009 là tài sản chung của vợ chồng. Còn phần nhà có diện tích 5m x 11m cũng là tài sản chung chứ không phải do cá nhân bà T xây nên. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Chúng tôi có nợ của ông Đỗ Tấn H1 110.000.000đ theo giấy vay tiền đề ngày 13/3/2010. Về khoản nợ này tôi đồng ý trả khoản nợ này cho ông H1. Chúng tôi còn nợ bà Trần Thị Thúy H2 20.000.000đ, tôi không còn nợ bà Hồ Thị Ngọc T1. Ngoài ra không còn khoản nợ nào khác.

***/ Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Ông Đỗ Tấn H1 trình bày: Tôi là anh ruột của bà Đỗ Thị Hồng T. Ngày 13/3/2010 ông Nguyễn Văn H có vay của tôi số tiền là 100.000.000đ. Khi vay có làm giấy tờ có chữ ký của ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị Hồng T. Mục đích vay là để

trả nợ cho người khác, khi vay tôi là người trực tiếp đưa tiền cho ông Nguyễn Văn H, ngoài giấy mượn tiền thì các bên không có thỏa T1ận thời hạn trả nợ mà khi nào cần thì sẽ thông báo trước, lãi suất các bên thỏa T1ận miệng là 9%/năm. Khi vay không cầm cố thế chấp tài sản gì cho nhau. Từ khi vay cho tới nay ông H chưa trả được khoản nợ nào. Tôi đề nghị cá nhân ông H có nghĩa vụ trả cho tôi khoản nợ trên, tuy nhiên tôi không làm đơn yêu cầu độc lập trong vụ án này. Tại phiên tòa hôm nay ông Đỗ Tấn H1 xác định khoản nợ 110.000.000đ này là nợ chung của ông H và bà T nhưng ông sẽ khởi kiện thành một vụ kiện riêng.

- *Công ty TNHH MTV A - Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H:* Tôi xác nhận các khoản vay có ký đóng dấu của công ty TNHH MTV XD A gồm: Ngày 08/9/2009 vay của bà Đỗ Thị Kim Vân, ngày 25/4/2009 vay của bà Phan Thị O số tiền 30.000.000đ, ngày 05/10/2009 vay của bà Trần Thị Thúy H2 số tiền 50.000.000đ là khoản vay của cá nhân không liên quan gì tới công ty và đã trả xong các khoản nợ này.

- *Bà Trần Thị Thúy H2 trình bày:* Tôi không có liên quan gì tới công ty TNHH A, công ty A do ông Nguyễn Văn H làm giám đốc, tôi có quan hệ quen biết với ông Nguyễn Văn H. Do quen biết nên tôi có cho cá nhân ông H vay tiền các lần như sau:

Ngày 05/10/2009, vợ chồng ông H, bà T vay tiền số là 50.000.000đ, và có làm giấy vay tiền. Trong giấy vay thể hiện người vay là công ty TNHH MTV xây dựng A do ông Nguyễn Văn H làm giám đốc, lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 05/10/2009. Mục đích vay là để làm ăn. Tuy nhiên, việc vay mượn này là của vợ chồng ông H, bà T chứ không liên quan gì tới công ty A. Khoản nợ này đã trả xong tiền gốc và không tính lãi, hiện nay không còn liên quan gì tới quyền và nghĩa vụ đối với khoản nợ này. Khi trả nợ thì cả bà T bà ông H trực tiếp trả cho tôi.

Ngày 20/02/2010 cá nhân ông H có vay 40.000.000đ và có viết giấy vay thể hiện bên vay là công ty TNHH MTV xây dựng A do ông Nguyễn Văn H làm giám đốc, suất thỏa T1ận là 3,5%/tháng, thời hạn vay là 05 tháng. Tuy nhiên, khoản vay này là của cá nhân ông H chứ không liên quan gì tới công ty A. Đối với khoản nợ này ông H đã trả cho tôi 20.000.000đ nợ gốc, chưa trả nợ lãi. Ông H là người trực tiếp trả và không liên quan gì tới bà T. Về khoản nợ của ông H tôi đã khởi kiện thành một vụ kiện riêng nên không yêu cầu độc lập trong vụ án này.

- *Bà Hồ Thị Ngọc T1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2017:* Tôi có quen biết với ông Nguyễn Văn H nên ngày 22/8/2001 ông Nguyễn Văn H có vay của tôi 30.000.000đ. Ngày 24/6/2009 vay 20.000.000đ. Khi vay có làm giấy biên nhận mượn tiền, không thể hiện lãi suất trong giấy vay. Hiện nay khoản nợ này ông H đã trả xong. Mặc dù ông H là người vay tiền nhưng bà T là người trả tiền cho tôi. Ngoài khoản nợ 50.000.000đ thì ông H còn mượn của tôi 10.000.000đ nhưng không viết giấy vay vào năm 2010. Hiện nay ông H chưa trả cho tôi nhưng tôi không làm đơn yêu cầu độc lập trong vụ án, nếu ông H không trả thì tôi sẽ khởi kiện sau.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. B phát biểu ý kiến, quan điểm về đường lối giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp.B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 29, Điều 33 và Điều 34 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà T: Cần giao căn nhà 377 Đ, P.T, Tp. B cho bà T quản lý, sử dụng và bà T có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản lại cho ông H là 350.000.000đ; Bác yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu chia giá trị căn nhà đã bán tọa lạc tại 859 - 861 C, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk là 2.500.000.000đ.

Các đương sự phải chịu chi phí định giá và án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị Ngọc T1 vắng mặt không có lý do; vì vậy HĐXX căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227; khoản 2,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà Hồ Thị Ngọc T1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hồng T yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông Nguyễn Văn H bao gồm 02 tài sản là: Tiền bán căn nhà tọa lạc tại 859 - 861 C, P.T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk với số tiền là 2.500.000.000đ và nhà, đất là 377 Phạm Văn Đồng, P.T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T về việc chia: Giá trị tài sản về việc bán căn nhà tại 859 - 861 C, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với giá trị căn nhà đã chuyển nhượng được 2,5 tỷ đồng thì các bên đều thừa nhận tài sản này chung của ông H, bà T; tại thời điểm chuyển nhượng thì các bên đều đứng tên chuyển nhượng và cùng đứng ra nhận tiền trong thời kỳ ông bà sống chung như vợ chồng và cùng để trả các khoản nợ trong thời kỳ này. Việc bà T khai rằng ông H đã sử dụng khoản tiền này vào mục đích cá nhân của ông H nhưng ông H không thừa nhận lời khai này và cho rằng để trang trải chi phí, nợ nần trong thời kỳ sống chung; phía bà T thì cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình. Vì vậy Hội đồng xét xử căn bác yêu cầu của bà T về việc yêu cầu chia tài sản chung là 2, 5 tỷ đồng.

[4] Xét đơn khởi kiện của bà T: Quyền sử dụng đất có diện tích 153m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP903542 tại thửa đất số 68, tờ bản đồ 39 đã được UBND Tp. B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/10/2009 đứng tên ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị T; trên đất có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 64,8m², phần sân có diện tích 3.219.216đ và có 01 phần nhà có diện tích

64,32m² thống nhất phần nhà này không còn giá trị. Đối với tài sản này các bên đều thống nhất là tài sản chung, do đó có căn cứ khẳng định phần tài sản này là của chung ông H, bà T. Tuy nhiên lô đất tranh chấp có chiều ngang chỉ 4,8m và nhà chỉ có 01 hướng tiếp giáp đường Đ do đó không thể chia cho cả 02 bằng hiện vật được mà cần giao nhà, đất cho một người. Xét hiện nay ông H đang ở Huyện Krông Pắc nên cần giao nhà và đất này cho bà T và buộc bà T phải thanh toán giá trị và tài sản cho ông H. Tuy nhiên xét công sức đóng góp vào khối tài sản này thì bà T có phần nhiều hơn vì trong thời gian ông H đi vắng bà T là người đứng ra xây dựng phần căn nhà phía trước nên HĐXX xét thấy cần giao nhà đất cho bà T và bà T có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản cho ông H 350.000.000đ là phù hợp và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của các bên đương sự.

Do đó, chia cho bà T được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản sau: Quyền sử dụng đất có diện tích 153m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP903542 tại thửa đất số 68, tờ bản đồ 39 đã được UBND Tp. B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/10/2009 đứng tên ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị T, tọa lạc tại 377 Đ, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, có tứ cận:

Phía Nam giáp đường Đ rộng 4,8m

Phía Đông giáp nhà ông T3, bà T4 dài 32m

Phía Bắc giáp công ty cổ phần xây dựng đường bộ 26 rộng 4,8m

Phía Tây giáp nhà nghỉ M dài 32m

Cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm: nhà cấp 4 có diện tích 64,8m², sân có diện tích 39,84m², nhà sau có diện tích 64,32m² (các đương sự thống nhất không còn giá), 01 bộ cánh cổng, tường rào; trị giá tài sản bà T được chia là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

[5] Xét khoản nợ ông Đỗ Tấn H1 là 110.000.000đ; nợ bà Trần Thị Thúy H2 là 20.000.000đ và khoản nợ bà Hồ Thị Ngọc T1 là 10.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Và đã giải thích các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên các đương sự này xác định họ không yêu cầu độc lập trong vụ án này và sẽ khởi kiện thành một vụ kiện riêng nên cần chấp nhận và các khoản nợ này Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét trong vụ án này và các đương sự có quyền khởi kiện thành một vụ kiện riêng khi có đơn yêu cầu.

[6] **Về chi phí định giá:** ông H, bà T phải chịu chi phí định giá là 1.200.000đ (Mỗi người 600.000đ). Bà T đã nộp đủ số tiền 1.200.000đ, do đó ông H có nghĩa vụ trả lại cho bà T 600.000đ tiền chi phí định giá cho bà T.

[7] **Về án phí DSST:** Bà T phải chịu án phí DSST là 500.000.000đ = 20.000.000đ + (100.000.000đ x 4%) = 24.000.000đ.

Ông H phải chịu án phí DSST 350.000.000đ x 5% = 17.500.000đ.

Đối với yêu cầu của Bà T bị bác yêu cầu là giá trị tài sản 2, 5 tỷ đồng thì theo tại Điều 12 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật án

phí, lệ phí Tòa án thì bà T không phải chịu án phí DSST đối với yêu cầu không được chấp nhận này.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1]- Căn cứ Điều 29, Điều 33 và Điều 59 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Pháp lệnh số: 10/ 2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Xác định tài sản chung của bà Đỗ Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn H là: Quyền sử dụng đất có diện tích 153m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP903542 tại thửa đất số 68, tờ bản đồ 39 đã được UBND Tp. B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/10/2009 đứng tên ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị T T, tọa lạc tại 377 Đ, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm: nhà cấp 4 có diện tích 64,8m², sân có diện tích 39,84m², nhà sau có diện tích 64,32m² (các đương sự thống nhất không còn giá), 01 bộ cánh cổng, tường rào; tổng trị giá tài sản là 850.000.000đ Tám trăm năm mươi triệu đồng).

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Hồng T về việc yêu cầu chia tài sản: Quyền sử dụng đất có diện tích 153m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP903542 tại thửa đất số 68, tờ bản đồ 39 đã được UBND Tp. B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/10/2009 đứng tên ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị T T, tọa lạc tại 377 Đ, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm: nhà cấp 4 có diện tích 64,8m², sân có diện tích 39,84m², nhà sau có diện tích 64,32m² (các đương sự thống nhất không còn giá), 01 bộ cánh cổng, tường rào.

Chia cho bà Đỗ Thị Hồng T được quyền sử dụng, sở hữu các tài sản sau:

Quyền sử dụng đất có diện tích 153m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP903542 tại thửa đất số 68, tờ bản đồ 39 đã được UBND Tp. B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/10/2009 đứng tên ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị T T, tọa lạc tại 377 Đ, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, có tứ cận:

Phía Nam giáp đường Đ rộng 4,8m

Phía Đông giáp nhà ông T3, bà T4 dài 32m

Phía Bắc giáp công ty cổ phần xây dựng đường bộ 26 rộng 4,8m

Phía Tây giáp nhà nghỉ M dài 32m

Cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm: nhà cấp 4 có diện tích 64,8m², sân có diện tích 39,84m², nhà sau có diện tích 64,32m² (các đương sự thống nhất không còn giá), 01 bộ cánh cổng, tường rào; tổng giá trị giá tài sản bà T được chia là 850.000.000đ(Tám trăm năm mươi triệu đồng).

Bà Đỗ Thị Hồng T có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị tài sản cho ông Nguyễn Văn H là 350.000.000đ(Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hồng T đối với số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) là tiền bán căn nhà tọa lạc tại 859 - 861 C, P. T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 2 điều 305 BLDS để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

Các khoản nợ ông Đỗ Tấn H1 là 110.000.000đ; nợ bà Trần Thị Thúy H2 là 20.000.000đ và khoản nợ bà Hồ Thị Ngọc T1 là 10.000.000đ thì các đương sự có quyền khởi kiện thành một vụ kiện riêng khi có đơn yêu cầu.

[2]Về chi phí định giá: ông Nguyễn Văn H H, bà Đỗ Thị Hồng T phải chịu chi phí định giá là 1.200.000đ (Mỗi người 600.000đ). Bà T đã nộp đủ số tiền 1.200.000đ , do đó ông H có nghĩa vụ trả lại cho bà T 600.000đ tiền chi phí định giá.

[3]Về án phí DSST: Bà Đỗ Thị Hồng T phải chịu án phí DSST là 24.000.000đ(hai mươi bốn triệu đồng). Được khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 6.100.000đ theo biên lai số 0038787 ngày 29/6/2016; bà Đỗ Thị Hồng T còn phải nộp là 17.900.000đ án phí DSST.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí DSST: 17.500.000đ.(Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- VKSND TP.BMT;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA DS BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Trần Anh Tuấn